

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM SÁCH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 12/8/2023

*“V/v không công nhận quan hệ
vợ chồng”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Minh Trang.

2. Bà Nguyễn Thị Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức - Thư ký Toà án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Phùng Văn Huân - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 102/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2023, về việc “*ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25/7/2023, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị N (tên gọi khác là Phạm Thị X), sinh năm 1976.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn ML, xã Đ, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương; Chỗ ở hiện nay: Thôn TC, xã AT, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

2. *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn B, sinh năm 1976.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn ML, xã Đ, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

Chị N, anh B đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn chị Phạm Thị N (tên gọi khác là Phạm Thị X) trình bày: Chị Phạm Thị N (tức X) và anh Hoàng Văn B được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương năm 1998 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Tuy nhiên, chị đã làm mất giấy chứng nhận kết hôn nên không giao nộp cho Tòa án được. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống với nhau tại gia đình nhà chồng. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh B thường xuyên uống rượu bia, sau đó về đánh đập chị và các con. Vì cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, tình cảm vợ chồng không còn nên anh chị đã sống ly thân với nhau từ tháng 9/2022 đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể kéo dài được nữa nên chị xin ly hôn anh B.

Về việc đăng ký kết hôn: Chị N đã đề nghị UBND xã Đ kiểm tra sổ sách còn lưu trữ để cấp trích lục kết hôn giữa chị và anh B cho chị nhưng UBND xã Đ không có tài liệu, sổ sách nào lưu giữ thông tin đăng ký kết hôn của anh chị. Chị N không có tài liệu, giấy tờ, căn cứ gì chứng minh về việc anh chị có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nam Sách không công nhận chị và anh Hoàng Văn B là vợ chồng,

Về con chung: Chị và anh B có hai con chung là GG, sinh ngày 26/10/1999 và KK, sinh ngày 01/8/2003. Đối với cháu KK, ban đầu tên khai sinh của cháu tên là KK. Sau đó, do tên trùng với người thân trong gia đình nên đã cải chính lại tên cho cháu thành TT. Hai con của anh chị đều đã trưởng thành và không có nhược điểm về tinh thần, thể chất nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Ngoài ra anh chị không có con nuôi hay con riêng.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình chuẩn bị xét xử vụ án: Tòa án đã triệu tập bị đơn là anh Hoàng Văn B nhưng anh B đều vắng mặt và không gửi cho Tòa án văn bản ghi quan điểm của anh về các nội dung liên quan đến vụ án.

Theo thông tin do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cung cấp tại Công văn số 13926/QLXNC - P5 ngày 02/6/2023 thể hiện: Trường hợp Hoàng Văn B, sinh ngày 01/12/1976; CCCD số 03007600.. không có thông tin xuất nhập cảnh.

Bà Lê Thị Đ là mẹ đẻ anh Hoàng Văn B trình bày: Anh B và chị N được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn, về chung sống cùng nhau từ năm 1998 tại gia đình bà ở thôn ML, xã Đ, huyện Nam Sách. Anh chị sống với nhau hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do chị N cứ đi đi lại lại giữa nhà chồng và nhà đẻ, anh B nói nhưng chị N không nghe nên anh B chán nản thường xuyên đi uống rượu bia. Sau đó, vợ chồng cãi vã nhau nhưng bà thấy anh B chưa bao giờ đánh chị N. Năm 2011, chị N đi làm ở đảo Ship một thời gian rồi về, sau đó tiếp tục đi lao động xuất khẩu ở nước ngoài, đi nước nào bà không biết nhưng đến cuối năm 2022 chị N về nước, không về sống cùng anh B mà về nhà mẹ ở hẳn cho đến nay. Anh B đi làm công việc tự do, thỉnh thoảng về qua nhà sau đó lại đi. Nay chị N xin ly hôn với anh B, bà không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kết quả xác minh tại địa phương: Anh B đang cư trú tại thôn ML, xã Đ, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương. Chị N trình bày anh chị kết hôn năm 1998 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Nam Sách nhưng không có tài liệu, giấy tờ, căn cứ chứng minh. Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Nam Sách đã rà soát sổ đăng ký kết hôn năm 1998 và năm 1999 (còn lưu lại một số trang) thì không có tên anh Hoàng Văn B và chị Phạm Thị N. UBND xã không có tài liệu chứng cứ gì để xác định anh B và chị N có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ vào năm 1998. Anh B và chị N có hai con chung GG, sinh ngày 26/10/1999 và KK, sinh ngày 01/8/2003. Chị N có tên thường gọi là X. Khi đi làm giấy khai sinh, anh Hoàng Văn B và ông Hoàng Văn C (là bố đẻ của anh B) đã kê khai tên chị N là X vào mục thông tin họ tên người mẹ. Thông tin chị Phạm Thị N, sinh năm 1976 và Phạm Thị X, sinh năm 1974 trong thông tin khai sinh của GG và KK là cùng một người.

Phòng Tư pháp UBND huyện Nam Sách cung cấp: Phòng Tư pháp UBND huyện Nam Sách đã rà soát Sổ đăng ký kết hôn của xã Đ lưu trữ tại Phòng Tư pháp thì không có tài liệu, thông tin về đăng ký kết hôn đối với trường hợp của anh Hoàng Văn B và chị Phạm Thị N.

Tại phiên tòa: Anh B và chị N đều vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện Nam Sách tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều được đảm bảo. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quy định của

pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

** Hướng giải quyết vụ án:*

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLTTANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Phạm Thị N (tên gọi khác là Phạm Thị X) và anh Hoàng Văn B là vợ chồng.

- Về án phí: Chị Phạm Thị N (Hoàng Thị X) phải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn;

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Phạm Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn là tranh chấp về hôn nhân; Bị đơn là anh Hoàng Văn B, sinh năm 1976; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn ML, xã Đ, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị Phạm Thị N (tên gọi khác là Phạm Thị X) là nguyên đơn, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh Hoàng Văn B được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về hôn nhân: Chị N và anh B được tự do tìm hiểu, tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1998. Chị N trình bày anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương nhưng không cung cấp được giấy chứng nhận kết hôn, không có tài liệu, căn cứ gì giao nộp cho Tòa để chứng

minh. UBND xã Đ và Phòng Tư pháp huyện Nam Sách đều không có thông tin, tài liệu về việc đăng ký kết hôn giữa chị N và anh B. Như vậy, có đủ cơ sở xác định chị N và anh B chung sống với nhau từ năm 1998 nhưng không có đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống chị N và anh B có nhiều mâu thuẫn. Anh B thường xuyên uống rượu bia rồi về nhà chửi, đánh vợ con. Anh chị đã sống ly thân nhau từ 2022 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Anh B cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm, hôn nhân với chị N. Chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn hoặc không công nhận anh chị là vợ chồng theo quy định của pháp luật.

Việc chị N và anh B chung sống với nhau, không có đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTCVKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát 4 nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình, để xử không công nhận chị Phạm Thị N (tên gọi khác là Phạm Thị X) và anh Hoàng Văn B là vợ chồng.

[4] Về con chung: Anh chị có hai con chung là GG, sinh ngày 26/10/1999 và KK đã cải chính tên là TT, sinh ngày 01/8/2003. Hai con của anh chị đều đã trưởng thành và không có nhược điểm về tinh thần, thể chất nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Ngoài ra anh chị không có con nuôi hay con riêng nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung, công sức chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết nên không phải xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTCVKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228

Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Phạm Thị N (tên gọi khác là Phạm Thị X) và anh Hoàng Văn B là vợ chồng.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung, công sức chung: Chị Phạm Thị N (tên gọi khác là Phạm Thị X) không đề nghị Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị N (tên gọi khác là Phạm Thị X) phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0004052 ngày 12/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương. Chị Phạm Thị N(tên gọi khác là Phạm Thị X) đã thi hành xong tiền án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nam Sách;
- Chi cục THA dân sự huyện Nam Sách;
- UBND xã Đ, huyện Nam Sách (để ghi sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thúy Hằng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Huệ

Nguyễn Minh Trang

Phạm Thúy Hằng